

FOR TRADITIONAL HANDICRAFT AND TOURISM ONLY STRUCKING BACK TOGETHER

(RESEARCH AT THE CLUSTER OF CRAFT VILLAGES
IN NON NUOC CAO BANG GEOPARK)

Bui Thi Bich Lan

Institute of Anthropology

Email: buibichlan@gmail.com

Received: 08/10/2022; Reviewed: 13/10/2022; Revised: 19/10/2022; Accepted: 31/10/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/765>

Coming to Cao Bang Non Nuoc Geopark, visitors can explore along 03 geotourism routes with 03 different themes. One of the three tourism routes is the Eastern route with the theme “Experience indigenous culture in wonderland” - which is considered the “capital” of traditional handicraft villages, including a cluster of commune handicraft villages, including the cluster of craft villages in Phuc Sen commune as Ban paper handicraft (Dia Tren hamlet), incense making (Doan Ket hamlet) and blacksmithing (Pac Rang village). In this cluster of craft villages, the products made to be under fierce competition with industrial products flooding the market, but people are still passionate and finding ways to preserve their handicraft. It is an important factor for the authorities at all levels as well as the Management Board of Non Nuoc Cao Bang Geopark to choose to become a tourist attraction and experience. However, because tourism activities in the area of Non Nuoc Cao Bang Geopark are just beginning, the problem of exploiting the value of handicraft villages still poses many challenges, requiring the participation of many stakeholders, including people, authorities at all levels, organizations, travel agencies,...

Keywords: *Handicraft; Tourism; Geopark; Cao Bang province.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, du lịch gắn với nghề thủ công truyền thống đang ngày càng trở nên hấp dẫn và đang là một hướng phát triển du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nếu như trước đây, nhu cầu chủ yếu là tham quan, ngắm cảnh, thưởng ngoạn những phong cảnh thiên nhiên kỳ thú thì nay, cả du khách quốc tế và nội địa đều đang có xu hướng tìm hiểu, khám phá sâu hơn giá trị văn hóa độc đáo, tiêu biểu của các cộng đồng địa phương. Thay vì nhu cầu du lịch ở các khu đô thị lớn, sầm uất, nhiều du khách đang chuyển hướng về những nơi yên tĩnh, biệt lập, mang đậm không gian truyền thống, để được trải nghiệm, được thực hành văn hóa, được mua sắm các sản phẩm văn hóa tại chính nơi sản xuất. Là tỉnh biên giới, địa đầu Tổ quốc, Cao Bằng là tỉnh có cửa khẩu biên giới với Trung Quốc, có cảnh quang thiên nhiên hùng vĩ, đây cũng là cái nôi của cách mạng Việt Nam, quê hương của hơn 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nên một vùng văn hóa đa dạng, đa sắc màu. Nhiều nghề, làng nghề thủ công của các tộc người thiểu số đã được lưu truyền qua bao thế hệ, tập trung chủ yếu tại các huyện Quảng Hòa, Hà Quảng, Trùng Khánh, Nguyên Bình,... Chính nguồn tài nguyên du lịch nhân văn quý giá này đã góp phần đem lại cho tỉnh Cao Bằng một sức hút không chỉ với du khách Việt Nam mà cả

quốc tế. Một cơ hội lớn cho phát triển du lịch của tỉnh Cao Bằng là vào ngày 12/04/2018, tại Kỳ họp lần thứ 204 tại Paris (Pháp), Hội đồng Chấp hành UNESCO đã thông qua Nghị quyết, công nhận Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là Công viên địa chất toàn cầu. Ngay sau khi được công nhận danh hiệu, lượng khách quốc tế đến tỉnh Cao Bằng năm 2019 đạt trên 1,5 triệu lượt, tăng 25,8% so với năm 2018, doanh thu trên 480 tỷ đồng, tăng trưởng du lịch đạt 31%. Kết quả nổi bật này đã giúp lãnh đạo và người dân địa phương có thêm quyết tâm thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc trong tương lai gần.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghề thủ công truyền thống của các tộc người từ lâu đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu dưới góc độ dân tộc học, văn hóa học,... Trong đó, tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về nghề và làng nghề truyền thống, tổ nghề và nghệ nhân dân gian, các vùng nghề, địa danh và địa chỉ làng nghề; về thực trạng phát triển, những tồn tại cần khắc phục và xu hướng vận động của các làng nghề dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, qua đó xây dựng quan điểm và đề xuất những giải pháp cơ bản để phát triển làng nghề truyền thống ở nông thôn trước yêu cầu của hội nhập

kinh tế quốc tế (Trần Minh Yên, 1997; Mai Thế Hồn và cộng sự, 2003; Trương Minh Hằng, 2012). Một số nghiên cứu gần đây đã quan tâm đến vấn đề vai trò, vị trí, cơ hội, thách thức trong việc bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển du lịch trong bối cảnh hội nhập. Trong đó khẳng định, nhiều địa phương trên cả nước đang tập trung khôi phục và đẩy mạnh phát triển các nghề và làng nghề truyền thống; qua đó, vừa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, vừa thúc đẩy hoạt động du lịch, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái. Từ việc phân tích những thách thức đang đặt ra như thiếu vùng nguyên liệu, chậm đổi mới công nghệ, khó tiếp cận thị trường, chưa phát huy hết tiềm năng phục vụ du lịch,... một số bài viết còn chỉ ra được những hạn chế về chính sách và đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy hiệu quả hơn nữa những giá trị văn hóa độc đáo, tiêu biểu của các nghề, làng nghề thủ công gắn với phát triển du lịch trong thời gian tới (Viện Đại học Mở Hà Nội, 2005; Trường Đại học Hạ Long, 2018; Bùi Thị Bích Lan, 2019). Tại tỉnh Cao Bằng, đã có nhiều nghiên cứu riêng biệt về nghề thủ công truyền thống hoặc về phát triển du lịch vùng tộc người thiểu số (Hoàng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Yên, 2005; Đào Huy Khuê và cộng sự, 2011; Nông Thị Anh, 2016), song việc nhận diện các giá trị, vai trò cũng như cơ hội, thách thức trong việc bảo tồn, phát huy nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đúng mức, nhất là dưới góc độ dân tộc học/nhân học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiếp cận dưới góc độ *Nhân học du lịch*. Đây là một chuyên ngành của Nhân học văn hóa, được phát triển vào giữa thế kỷ XX nhằm nghiên cứu hiện tượng du lịch ở tất cả các khía cạnh, trong đó tập trung vào du khách và bản chất của du lịch; tác động kinh tế, văn hóa, xã hội của du lịch đến các cộng đồng, xã hội địa phương cũng như mối quan hệ giữa chủ và khách. Việc nghiên cứu các tác động tích cực và tiêu cực giữa cộng đồng địa phương và du khách là một trong những mối quan tâm của các nhà nhân học du lịch. Áp dụng lý thuyết *Các bên liên quan*, nghiên cứu này hướng tới việc đánh giá giá trị của các bên liên quan (chủ yếu là cộng đồng địa phương và du khách), đáp ứng nhu cầu và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các bên liên quan để tiến hành hoạt động du lịch thành công, hiệu quả và bền vững. Với phương pháp điền dã dân tộc học, tác giả đã thực hiện 03 chuyến khảo sát, nghiên cứu sâu tại cụm làng nghề của xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng vào năm 2022, bao gồm: nghề rèn (xóm Pác Răng), nghề làm hương (xóm Đoàn Kết) và nghề làm giấy bản (xóm Dĩa Trên). Ngoài ra, phương pháp so sánh, phân tích số liệu, phương pháp chuyên gia,... cũng được áp dụng trong nghiên cứu này nhằm đem lại

những kết quả nghiên cứu khoa học, khách quan và trung thực.

4. Kết quả nghiên cứu

Xã Phúc Sen nằm ở tây nam của huyện Quảng Hòa, cách trung tâm huyện 05 km, cách thành phố Cao Bằng 32km. Với 1002 hộ/4175 nhân khẩu, người dân trên địa bàn xã được phân bố ở 11 xóm, chủ yếu là người Nùng An. Tổng số lao động trong độ tuổi là 2.476 người, chiếm 60% tổng số nhân khẩu, trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 70% (Thống kê của Văn phòng UBND xã, 2021). Ngoài sản xuất nông nghiệp, người dân trong xã còn là những người thợ tài hoa với các nghề thủ công tiêu biểu như rèn đúc, dệt vải, đục đá, làm hương, làm giấy bản... (UBND xã Phúc Sen, 2021).

4.1. Thực trạng bảo tồn và phát triển nghề thủ công gắn với du lịch

Thực hiện Chương trình số 09-Ctr/TU về phát triển hạ tầng giao thông, giai đoạn 2016 -2020 của Tỉnh ủy Cao Bằng và Quyết định số 436/QĐ – UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, huyện Quảng Hòa đã tập trung các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông nhằm tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thu hút đầu tư, phát triển du lịch,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trên địa bàn huyện có 28 cơ sở lưu trú du lịch đã được thẩm định, xếp hạng với trên 500 phòng nghỉ đảm bảo tiêu chuẩn đón khách. Huyện đã lập Đề án phát triển du lịch đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định các dự án trọng điểm và đầu tư phát triển cho 20 điểm du lịch (UBND huyện Quảng Hòa, 2021).

Nhận thức được vai trò, vị trí của phát triển ngành nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, Đảng ủy, UBND xã Phúc Sen đã đưa việc bảo tồn, phát huy các nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch của địa phương vào trong nội dung các Nghị quyết, kế hoạch hàng năm. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Phúc Sen lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra Chương trình trọng tâm thứ 3 là “Phát triển các nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể và du lịch”. Đến nay, 03 làng nghề khảo sát đã được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 28/10/2021. Với giá trị tiêu biểu, nghề rèn còn được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 446/QĐ-BVHTTDL ngày 29/01/2019. Hiện nay, cả 03 làng nghề này đã trở thành điểm dừng chân của một trong 03 tuyến tham quan chính thuộc Công viên địa chất Non nước Cao Bằng với tên gọi “*Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên*”.

4.1.1. Nghề rèn

Xã Phúc Sen có 4/11 xóm có nghề rèn, gồm: Pác Răng, Phja Chang, Tiên Minh, Đor Cọ. Tổng

số lò rèn trong xã là 145 lò và 280 người thường xuyên tham gia sản xuất. Ngoài 03 hợp tác xã hoạt động nghề rèn thì chủ yếu là sản xuất nhỏ theo hộ gia đình hoặc liên kết giữa một vài cá nhân. Thu nhập từ làm rèn chiếm 70% tổng thu nhập của hộ gia đình làm nghề, nhiều hộ có thu nhập trên 100 triệu đồng/năm, do đó, trong 04 xóm có nghề rèn chỉ còn 16/320 hộ nghèo (chiếm 5%). Sản phẩm của nghề rèn ở xã Phúc Sen chủ yếu là các công cụ phục vụ cho lao động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày, không chỉ được tiêu thụ rộng rãi trong phạm vi tỉnh Cao Bằng mà còn được khách hàng ở các vùng lân cận như Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lạng Sơn và bên kia biên giới Việt - Trung rất ưa chuộng (UBND xã Phúc Sen, 2021). Nằm trong khuôn khổ Dự án Phát triển du lịch bền vững tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ, Dự án phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói, giảm nghèo tại xóm Pác Ràng, xã Phúc Sen đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2014 với 05 hộ gia đình tham gia kinh doanh dịch vụ homestay. Dự án cũng đã thành lập Ban quản lý du lịch xóm, xây dựng Trung tâm thông tin du lịch cộng đồng; di dời khu chuồng trại xa nhà, làm đường bê tông, đường lát gạch, dẫn nước sạch vào tận hộ gia đình, lắp ống hút khói vào từng lò rèn; mở các lớp tập huấn kỹ năng giao tiếp, đón và phục vụ khách, nấu ăn, tiếng Anh cấp tốc cho 20 người; tài trợ 20 chiếc xe đạp, 03 bộ máy tính,...

4.1.2. Nghề hương

Nghề làm hương của xóm Đoàn Kết (trước là xóm Phja Thấp) đã có từ lâu đời, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và hiện tại có 48/104 hộ với hơn 110 lao động làm nghề. Với thành phần hoàn toàn tự nhiên, hương Phja Thấp có mùi cay nồng của cây trầm. Vào những ngày trời nắng, mọi con đường trong xóm đều ngát trầm hương. Lúc nông nhàn, người dân trong xóm từ già đến trẻ đều tất bật với công việc làm hương và nghề sống này đã được người Nùng An nơi đây duy trì hàng trăm năm nay (UBND xã Phúc Sen, 2021). Thực hiện dự án “Tăng cường sinh kế cho người dân tộc

thiểu số thông qua du lịch cộng đồng” do tổ chức HELVETAS Thụy Sĩ tài trợ, xóm Phja Thấp đã trở thành điểm du lịch cộng đồng từ năm 2018 với cơ sở lưu trú homestay Mr.Kim’s đạt OCOP 2 sao cấp huyện. Hiện UBND huyện Quảng Hòa đang phối hợp với Trung tâm Phát triển kinh tế nông thôn (CRED) hoàn thành các hạng mục của điểm du lịch cộng đồng để đưa vào khai thác như: sưu tầm các vật dụng, trang phục dân tộc người Nùng An, thành lập Đội văn nghệ của xóm kết hợp hoàn chỉnh điểm tham quan Bảo tàng mini dân tộc Nùng An,...

4.1.3. Nghề giấy

Nghề làm giấy bản đang được người Nùng An bảo tồn và phát triển đã hơn 100 năm, đem lại nguồn thu nhập ổn định. Hiện có xóm Quốc Dân và Dì Trên của xã còn nghề làm giấy với tổng số 39/116 hộ và 93 lao động, đem lại khoảng 50% tổng thu nhập hộ gia đình và tại thời điểm năm 2020, số hộ nghèo của cả 2 xóm chỉ còn 21/116 (18,1%). Quy trình sản xuất chủ yếu là thủ công, quy mô nhỏ lẻ, nguồn nguyên liệu có nguồn gốc hoàn toàn tự nhiên, nguyên liệu dư thừa được đưa vào làm nhiên liệu đốt trong sinh hoạt hàng ngày nên hoạt động sản xuất của làng nghề ít tác động tiêu cực đến môi trường sống (UBND xã Phúc Sen, 2021). Tháng 3/2021, làng giấy Dì Trên được Unesco công nhận là “Điểm du lịch làng nghề”, một trong những điểm dừng chân của tuyến du lịch thuộc Công viên địa chất Non nước Cao Bằng (CVĐCNNCB). Ban quản lý CVĐCNNCB đã thiết lập, lựa chọn 03 hộ trong xóm Dì Trên làm đối tác chính thức, định hướng người dân đa dạng hoá các sản phẩm từ giấy bản, sáng tạo các sản phẩm thủ công phục vụ các nhu cầu du lịch như túi đựng quà tặng, hoa giấy, giấy vẽ tranh, sổ lưu niệm, thiệp lưu niệm, hỗ trợ tủ kính để trưng bày sản phẩm,... Ban quản lý cũng đang kết nối với các đối tác là nhà hàng, khách sạn, homestay để cùng phối hợp hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm từ giấy bản của xóm Dì Trên (giấy lau bát đĩa); phối hợp với UBND huyện Quảng Hòa đặt hàng người dân quyền sổ lưu niệm tặng cho các thí sinh tham gia cuộc thi “Đại sứ CVĐCNNCB” dành cho học sinh THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Bảng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở xã Phúc Sen năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghề rèn (Xóm Tiên Minh, Phja Chang, Pác Ràng, Đor Cọ)	Nghề giấy (Xóm Quốc Dân, Dì Trên)	Nghề hương (xóm Đoàn Kết)
1	Tổng dân số	Hộ/khẩu	320/1.375	116/477	104/439
2	Số người làm nghề	Hộ/khẩu	145/280	39/93	48/114
3	Chi phí nguyên liệu đầu vào/ hộ/năm	Triệu đồng	50	5,4	29,5
4	Sản xuất bình quân/hộ/năm	Sản phẩm	1.250	8.000	50.000
5	Tổng doanh thu từ nghề	Triệu đồng	18.125	1.248	4.320
6	Doanh thu từ làm nghề/hộ/năm	Triệu đồng	125	32	90
7	Doanh thu bình quân của lao động làm nghề/ tháng	Triệu đồng	5,394	1,118	3,158

Nguồn. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề xã Phúc Sen, 2021

4.2. Thách thức trong bảo tồn và phát triển nghề thủ công gắn với du lịch

Mặc dù, đã có sự vào cuộc của chính quyền các cấp và các tổ chức nhằm phát triển du lịch nhưng cho tới nay, các làng nghề nói trên của xã Phúc Sen vẫn chưa trở thành những điểm du lịch có triển vọng và hấp dẫn du khách. Lượng khách thăm quan, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, mua sắm không nhiều và sản phẩm làm ra vẫn chủ yếu phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng tại chỗ thông qua các chợ phiên hay các tiểu thương. Chỉ riêng sản phẩm rèn có thêm đơn hàng từ các địa phương khác trong nước và một số quốc gia như Đức, Nhật, Thụy Sĩ... Trong việc bảo tồn, phát triển nghề thủ công gắn với phát triển du lịch, chính quyền và người dân nơi đây đang đứng trước không ít những thách thức, cả về chủ quan và khách quan.

4.2.1. Về vai trò và sự tham gia hoạt động du lịch của cộng đồng làng nghề

Các nhà nghiên cứu du lịch hiện đại đã dành nhiều quan tâm đến vấn đề các bên liên quan trong phát triển du lịch từ nền tảng lý thuyết các bên liên quan của lĩnh vực quản trị kinh doanh. Theo lý thuyết này, chìa khóa cho sự thành công và thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững là sự hỗ trợ của các bên liên quan, trong đó có người dân địa phương tại các điểm du lịch. Đáp ứng nhu cầu và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các bên liên quan thì hoạt động du lịch mới thành công, hiệu quả và bền vững (Phạm Thị Bích Thủy, 2022).

Ở các điểm nghiên cứu, vai trò cũng như sự tham gia của người dân địa phương trong hoạt động du lịch ở đây còn khá mờ nhạt. Cả cụm làng nghề hiện nay chỉ có duy nhất 01 homestay ở xóm Đoàn Kết còn đang hoạt động với thời gian lưu trú quá thấp. Phần lớn du khách chỉ dừng chân để chụp ảnh, quay video, trải nghiệm trong thời gian ngắn (một vài giờ đồng hồ), không ăn nghỉ, lưu trú, không mua sắm sản phẩm, không phải trả phí tham quan. Vì thế, dù có khách ghé thăm nhưng du lịch làng nghề chưa đem lại cơ hội bán hàng tại chỗ, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân hay tăng ngân sách cho địa phương. Đại diện Ban Quản lý CVĐCNNCB cũng phải thừa nhận: “*Các cộng đồng địa phương nơi đang có các hoạt động không du lịch không phải là những người được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch mà chủ yếu là nhà hàng, khách sạn, hoặc các công ty lữ hành, mặc dù số lượng khách du lịch đến với Cao Bằng ngày càng tăng*” (Vi Trần Thủy, 2022). Việc không có nguồn lợi thiết thực đã dẫn đến thái độ không mấy mặn mà của người dân làng nghề khi thấy du khách đến thăm quan, nhất là khi họ muốn trải nghiệm công đoạn sản xuất: “*Nếu đang làm mà thấy khách đến là một số bà con ở đây dừng lại, tránh đi chỗ khác. Khi nào khách đi*

qua nhà thì họ mới làm tiếp. Vì khách vào xem rồi đòi làm thử, mất thời gian và còn làm hỏng cả sản phẩm đang rèn của mình nữa” (PVS, nam, 46 tuổi, thôn Pác Răng). Ở xóm Địa Trên, cũng vì chưa có nguồn thu từ hoạt động phục vụ du lịch nên người dân vẫn chỉ làm nghề khi thời vụ nông nhàn và du khách đến làng nghề sẽ không có cơ hội tham quan, trải nghiệm nếu người dân đang vào mùa vụ gieo trồng, thu hoạch. Tương tự, các hộ gia đình ở xóm Đoàn Kết đều được hưởng lợi gián tiếp từ quỹ du lịch cộng đồng của xóm, tuy nhiên, “*lượng khách ít, nguồn thu không nhiều, người dân ở đây cũng chưa nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề môi trường trong du lịch cộng đồng nên cán bộ thôn chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động các hộ gia đình tham gia dọn dẹp vệ sinh nhà cửa, ngõ xóm trước khi đón đoàn khách đến*” (PVS, nam, 44 tuổi, lãnh đạo xóm Đoàn Kết). Những ứng xử này cũng có một phần lý do chủ quan là phần đa người dân làng nghề chưa qua các lớp đào tạo nên còn thiếu kiến thức và kỹ năng bán hàng, kinh doanh và phục vụ du lịch.

4.2.2. Về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại làng nghề

Trình độ tay nghề của các hộ sản xuất chủ yếu chỉ dựa vào kinh nghiệm, được đào tạo thông qua thực hành trực tiếp với thợ lành nghề theo kiểu “cha truyền con nối”. Phần lớn trong số họ đều chưa qua các lớp đào tạo nên ít có cơ hội nâng cao kỹ năng thực hành nghề, thiếu kiến thức công nghệ thông tin cơ bản và hạn chế ứng dụng máy móc, công nghệ hiện đại trong quá trình sản xuất. Đó là một trong những nguyên do khiến sản phẩm có giá thành cao, mẫu mã đơn điệu, kém hấp dẫn và chưa phù hợp để trở thành sản phẩm du lịch. Trên thực tế, du khách cả trong và ngoài nước khi đặt chân đến làng nghề chỉ tham quan, trải nghiệm, rất hiếm khi mua sắm sản phẩm.

Phải thừa nhận rằng dao kéo, cày cuốc, hương thấp, giấy bản,... của cụm làng nghề này vốn là các vật phẩm tâm linh hoặc dụng cụ có tính sát thương cao, rất khó biến thành đồ lưu niệm. Điều đó đặt ra yêu cầu cần phải cải tiến mẫu mã, thiết kế sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, nhu cầu của khách du lịch. Ngoài sản phẩm rèn đã có sự cải tiến nhất định, các sản phẩm của nghề hương và giấy bản gần như vẫn giữ nguyên mẫu mã như truyền thống bao đời nay. Một số sản phẩm mới từ giấy bản được sản xuất dưới sự hỗ trợ của Ban quản lý CVĐCNNCB nhưng do làm hoàn toàn thủ công nên sản phẩm chưa có độ tinh xảo, bắt mắt, giá thành tương đối cao, chưa thực sự hấp dẫn du khách. Với nghề rèn, một bộ phận người dân khá nhanh nhậy trong việc đầu tư máy móc, tìm hiểu nhu cầu khách hàng trên các trang mạng xã hội nên đã cải tiến được mẫu mã sản phẩm

truyền thống và có thêm một số sản phẩm mới. Đó cũng là một trong số nguyên nhân khiến sản phẩm rèn được tiêu thụ khá ổn định từ du khách trong nước qua gian hàng trưng bày trên các tuyến đường quốc lộ 3 đi cửa khẩu quốc tế Tà Lùng và một số đơn đặt hàng của du khách nước ngoài sau khi đến tham quan làng nghề. Vấn đề đặt ra ở đây là khi máy mài thay thế các công đoạn tôi luyện thủ công, tăng năng suất lao động thì sản phẩm rèn lại bị giảm đi phần nào độ bền sắc, ảnh hưởng nhất định đến thương hiệu làng nghề. Cũng do chưa nhận thức được vấn đề bảo vệ thương hiệu làng nghề nên đứng trước sức ép của lợi nhuận và sự cạnh tranh, một số lò rèn đã mượn thương hiệu làng nghề để bán “hàng nóng” (đao, kiếm) hoặc sản phẩm kém chất lượng, xuất xứ trôi nổi, đe dọa đến danh tiếng làng nghề đã được gìn giữ qua bao thế hệ,...

Nguồn nhân lực du lịch ở các làng nghề cũng có nhiều hạn chế. Cộng đồng làng nghề vẫn ở thế bị động, chưa sẵn sàng cũng như chưa nhận thức được vai trò của nghề trong phát triển du lịch cộng đồng, dẫn đến sự thiếu gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với du lịch và các dịch vụ đi kèm. Dù Ban quản lý du lịch cộng đồng ở xóm Pác Răng và xóm Phja Thấp đã được thành lập, đội ngũ hướng dẫn viên làng nghề đã được hình thành nhưng do lượng khách không nhiều, lại chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hiện tại, các Ban quản lý này gần như không còn hoạt động. Thực trạng này đã ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ du lịch, đến việc tiếp thị, giới thiệu, quảng bá hình ảnh và sản phẩm, đến việc kết nối với các dịch vụ du lịch, lễ hành của cộng đồng làng nghề.

4.2.3. Về môi trường làng nghề và không gian văn hóa truyền thống

Việc lập quy hoạch điểm du lịch cộng đồng luôn đòi hỏi sự tính toán cẩn trọng. Ngoài yếu tố văn hóa thì tiêu chí môi trường, cảnh quan làng nghề là vấn đề không thể xem nhẹ. Hương thấp rất khó trở thành mặt hàng để bán cho du khách, vì thế, định hướng chủ đạo đưa ra đối với làng nghề này là khai thác du lịch trải nghiệm. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều du khách đã trải nghiệm các công đoạn làm hương bên hiên nhà sàn, nơi mà phía trên vẫn giăng đầy quần áo, bên cạnh là ngổn ngang dụng cụ sản xuất, đồ dùng gia đình và dưới gầm nhà sàn là vô số rác rưởi chưa kịp dọn. Thêm vào đó, trước đại dịch Covid-19, đầu tư nuôi trâu với số lượng lớn để xuất sang Trung Quốc là nguồn thu nhập chính của nhiều hộ gia đình người Nùng ở xã Phúc Sen. Theo mô hình di dời chuồng trại chăn nuôi gia súc ra khỏi gầm sàn thì chuồng trại phải cách nhà tối thiểu 10-15m nhưng do diện tích đất ở chật hẹp, các chuồng trại của các gia đình làm hương xóm Đoàn Kết được xây dựng nay trước cửa nhà chỉ

tầm 3-5m. Do vậy, khi bước chân làng du lịch cộng đồng, hình ảnh đầu tiên mà du khách chứng kiến là những dãy chuồng gia súc san sát nhau ở 2 bên đường làng, ngõ xóm với mùi phân gia súc bốc lên nồng nặc. Đây là chưa kể vẫn còn 06 hộ chưa chịu di dời khỏi gầm sàn do không có mặt bằng. Theo chia sẻ của một cán bộ xóm: “*Du lịch mới chỉ là bắt đầu, nguồn lợi từ du lịch chưa thấy đâu nên chưa đủ thuyết phục người dân thay đổi tập quán chăn nuôi gia súc, vốn là nguồn thu nhập quan trọng của nhiều gia đình bao năm qua*” (PVS, nam, 41 tuổi, xóm Đoàn Kết). Với nghề làm giấy bản, nếu vấn đề vệ sinh môi trường làng nghề không được cải thiện thì việc tìm kiếm các đối tác (nhà hàng, khách sạn, homestay) để tiêu thụ sản phẩm giấy lau bát đĩa sẽ không có nhiều triển vọng.

Ở làng rèn Pác Răng, không chỉ ô nhiễm không khí do tập quán chăn nuôi mà còn là vấn đề ô nhiễm tiếng ồn và một lượng lớn các chất thải, khí thải được phát sinh trong quá trình sản xuất (vụn sắt, bụi mịn, tro than,...). Vào mùa hè, để tránh làm việc bên lò rèn trong điều kiện nắng nóng, người dân thường làm nghề từ 4-5h sáng. Với tập quán sản xuất này, tiếng ồn lớn phát ra từ các lò rèn vào sáng sớm đã ảnh hưởng đến chế độ sinh hoạt của du khách và cũng là lý do khiến cho 05 hộ gia đình tham gia kinh doanh dịch vụ homestay phải dừng hoạt động. Sự an toàn về sức khỏe khi tham gia trải nghiệm của du khách cũng cần được bảo đảm, nhất là đối với nghề rèn bởi cơ sở sản xuất của hộ gia đình thường nhỏ hẹp (một góc của gầm sàn nhà) nên chưa có đủ các điều kiện về an toàn lao động, dễ chịu những tác động về lực và nhiệt. Trên trang booking.com, không ít du khách đã đưa ra những phản hồi không tích cực về vấn đề vệ sinh môi trường và cơ sở hạ tầng ở cụm làng nghề này.

5. Thảo luận

Phát triển du lịch từ khai thác văn hóa làng nghề là một xu hướng tất yếu để bảo tồn, phát huy các giá trị của nghề trong bối cảnh mới. Bên cạnh những cơ hội, việc khai thác giá trị văn hóa này trong phát triển du lịch ở các điểm nghiên cứu vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, kết quả chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và ẩn chứa không ít yếu tố thiếu bền vững. Bài viết xin đưa ra một vài định hướng mà người dân, chính quyền, các công ty du lịch, lễ hành,... cần quan tâm nhằm khai thác hiệu quả giá trị của làng nghề trong phát triển du lịch địa phương trong thời gian tới, cụ thể là:

Thứ nhất, phân phối lợi ích công bằng đối với chủ thể văn hóa, trong đó cộng đồng làng nghề phải được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Sự chia sẻ lợi ích đối với các thành viên trong cộng đồng cũng là một nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo lợi ích của các thành viên, kể cả trực tiếp, gián tiếp

và không tham gia vào chuỗi cung ứng, qua đó hoạt động du lịch mới có thể duy trì lâu dài. Có được nguồn lợi trực tiếp, thiết thực từ phục vụ du lịch mới nâng cao được nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân làng nghề, gắn kết chặt chẽ hơn giữa sản xuất kinh doanh với du lịch và các dịch vụ đi kèm. Với các điểm nghiên cứu, nếu chưa xây dựng được cơ chế thu phí khi tham quan, trải nghiệm tại làng nghề thì trước mắt, nên có một hình thức khuyến khích ủng hộ tự nguyện của du khách (có thể thiết kế 1 hộp đựng tiền ủng hộ nhỏ gọn, trang trí bắt mắt ở khu vực sản xuất mỗi gia đình).

Thứ hai, cải thiện chất lượng môi trường và cơ sở hạ tầng làng nghề là vấn đề cần chú trọng bởi thể mạnh của cụm làng nghề này là du lịch trải nghiệm. Do đó, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường bằng các quy định, chế tài cụ thể, quy định trách nhiệm của mỗi hộ gia đình trong việc đảm bảo môi trường, cảnh quan, không gian văn hóa của làng nghề; khuyến khích, hỗ trợ người dân xây dựng hầm biogas để ủ phân gia súc, gia cầm làm khí đốt như một vài hộ dân đã làm thử nghiệm và thành công. Để đảm bảo an toàn sức khỏe cho du khách (nhất là với nghề rèn), cần có phương án xây dựng một không gian sản xuất dành riêng cho nhu cầu trải nghiệm. Các máy móc, thiết bị sản xuất được thiết kế và sắp xếp hợp lý, bắt mắt, tạo thành một tuyến tham quan theo các giai đoạn tạo thành phẩm.

Thứ ba, nâng cao trình độ tay nghề và kỹ năng phục vụ du lịch cho cộng đồng, qua đó cải tiến mẫu mã, đầu tư thiết bị, công nghệ sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và tính thẩm mỹ, biến sản phẩm làng nghề trở thành quà lưu niệm, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Việc chạy theo lợi nhuận mà bán hàng không rõ nguồn gốc, “hàng nóng” làm ảnh hưởng đến thương hiệu nghề

rèn đã đặt ra yêu cầu về việc đa dạng hoá nhưng phải giữ được yếu tố văn hóa, không làm lai căng, biến dạng sản phẩm truyền thống. Đồng thời, cộng đồng địa phương phải đóng vai trò là nhân lực trụ cột trong phát triển du lịch. Mỗi nghề nhân, mỗi người thợ đều có thể trở thành một hướng dẫn viên du lịch. Do đó, cần tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền với các doanh nghiệp du lịch để đào tạo kỹ năng phục vụ du lịch cho người dân làng nghề; tạo sự liên kết phát triển du lịch chặt chẽ giữa người dân với các ngành chức năng và các công ty lữ hành trong và ngoài nước.

6. Kết luận

Với tinh thần lấy du lịch làm động lực để bảo tồn, phát triển các làng nghề và bảo tồn, phát triển các làng nghề để phát triển du lịch, các sản phẩm du lịch từ nghề thủ công truyền thống ở tỉnh Cao Bằng đang được tích cực khai thác để đạt được “lợi ích kép”, vừa góp phần đánh thức tiềm năng du lịch của vùng Công viên địa chất toàn cầu, vừa góp phần bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo việc làm cho người dân địa phương, từ đó từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, xây dựng Nông thôn mới. Dưới sự chỉ đạo của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng, Ban Quản lý CVĐCNCB đã xây dựng các tour du lịch và hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản, thúc đẩy sự phát triển của các làng nghề truyền thống, trong đó có cụm làng nghề xã Phúc Sen. Sự đa dạng về giá trị văn hóa, lịch sử của các làng nghề là một thế mạnh trong phát triển du lịch của tỉnh. Tuy vậy, trong thời gian tới, để tài nguyên văn hóa nói chung và nghề thủ công truyền thống nói riêng trở thành sản phẩm du lịch là câu chuyện không hề đơn giản, đòi hỏi sự vào cuộc của nhiều bên liên quan, bao gồm người dân, các cấp chính quyền, các tổ chức, các công ty du lịch, lữ hành,...

Tài liệu tham khảo

Anh, N. T. (2016). *Phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng trong xu thế hội nhập*. Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Địa lý học, Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Bình, N. T. T. (2020). Nhân học du lịch: Khái niệm và sự phát triển. Trong N. V. Sừu (chủ biên), *Giáo trình “Nhân học: Ngành khoa học về con người”* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Đạt, Q. (2019, 19/12). Du lịch Cao Bằng tăng trưởng mạnh trong năm 2019. <https://Baotintuc.vn>.

Hằng, T. M. (2012). *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Hòn, M. T., & Cộng sự. (2003). *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Lan, B. T. B. (2019). Nghề thủ công và làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu của một số tộc người thiểu số tỉnh Hà Giang: Giá trị, chính sách và giải pháp bảo tồn, phát huy. *Tạp chí Dân tộc học*, số 5.

Nhuận, H. T., & Yên, N. T. (2005). *Văn hóa làng nghề của người Nùng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Quý, H. (2020, 6/1). Cao Bằng: Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống. <https://Baodantoc.vn/>.

- Thùy, P. T. B. (2022). *Về lý thuyết các bên liên quan*. Báo cáo nội dung thuộc Dự án “Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất non nước Cao Bằng” (2021-2023), mã số: VINIF09.2021.VHLS 04.
- Thùy, V. T. (2022). *Thực trạng, cơ hội và thách thức trong bảo tồn, phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch bền vững trong Công viên địa chất Non nước Cao Bằng*. Báo cáo tham luận tại Tọa đàm giữa Sở Văn hóa, Thông tin và Du lịch tỉnh Cao Bằng với Đoàn cán bộ của Dự án.
- Trường Đại học Hạ Long. (2018). *Xây dựng mô hình làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch Quảng Ninh*. Đề tài cấp tỉnh Quảng Ninh.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2005). *Nghiên cứu mô hình du lịch cộng đồng theo hướng phát triển bền vững (Lấy ví dụ tại Sa Pa, Lào Cai)*. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa. (2021). *Đánh giá thực trạng, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch trên địa bàn huyện Quảng Hòa*. Báo cáo tại buổi làm việc với Đoàn cán bộ Viện Dân tộc học.
- Ủy ban nhân dân xã Phúc Sen. (2021). *Hồ sơ làng nghề*. lưu tại Văn phòng UBND xã Phúc Sen.
- Yến, T. M. (2004). *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

ĐỀ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG VÀ DU LỊCH XÍCH LẠI GẮN NHAU HƠN (NGHIÊN CỨU TẠI CỤM LÀNG NGHỀ VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT NON NƯỚC CAO BẰNG)*

Bùi Thị Bích Lan

Viện Dân tộc học

Email: buibichlan@gmail.com

Nhận bài: 08/10/2022; Phản biện: 13/10/2022; Tác giả sửa: 19/10/2022; Duyệt đăng: 31/10/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/765>

Đến với Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, du khách có thể khám phá theo 03 tuyến du lịch địa chất với 03 chủ đề khác nhau. Một trong 03 tuyến du lịch ấy là tuyến phía Đông với chủ đề “Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên” - nơi được xem là “thủ phủ” của các làng nghề truyền thống, trong đó có cụm làng nghề xã Phúc Sen, gồm: nghề giấy bản (xóm Dì Trên), nghề làm hương (xóm Đoàn Kết) và nghề rèn (xóm Pác Rặng). Ở cụm làng nghề này, sản phẩm làm ra dù đang chịu sự cạnh tranh khốc liệt với các mặt hàng công nghiệp đang tràn ngập thị trường nhưng người dân vẫn say mê và tìm mọi cách để lưu giữ nghề. Đó là một yếu tố quan trọng để chính quyền các cấp cũng như Ban quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng lựa chọn để trở thành điểm tham quan, trải nghiệm của du khách. Tuy nhiên, do hoạt động du lịch vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng mới đang ở giai đoạn khởi đầu nên vấn đề khai thác giá trị của các làng nghề vẫn còn đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi sự vào cuộc của nhiều bên liên quan, bao gồm người dân, các cấp chính quyền, các tổ chức, các công ty du lịch, lữ hành,...

Từ khóa: Nghề thủ công; Du lịch; Công viên địa chất; tỉnh Cao Bằng.

* Bài viết là một phần kết quả của Dự án: “Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất non nước Cao Bằng (2021-2023)”, mã số: VINIF09.2021.VHLS 04. Dự án này được tài trợ bởi Vingroup và hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới, sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn.